TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Đoan
2. Bà Vũ Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).
Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn 4, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.
Địa chỉ: Thôn 6, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 4, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 7 năm 2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 1992, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà về ở và làm ăn chung với gia đình ông L được khoảng hai năm thì vợ chồng bà ở riêng tại nhà đất của bố mẹ ông L ở thôn 4, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Đầu năm 2016, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà bảo ông L ở nhà làm ăn, không đi làm thuê xa nhà

nữa nhưng ông L không đồng ý và đầu năm 2016, ông L bỏ đi làm thuê xa nhà cho đến nay, cụ thể ông L đi đâu, làm gì, bà không biết. Vợ chồng bà ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay không dàn xếp gì. Khoảng giữa năm 2016, bà về ở tại nhà đất của bố mẹ đẻ bà để lại ở thôn 6, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc cho đến nay. Từ đó, cứ mỗi dịp tết đến, ông L về gia đình bố mẹ đẻ ông ở hết ba ngày tết thì ông L lại đi làm thuê. Trong suốt thời gian ông L đi làm thuê cho đến nay, ông L không có lần nào gọi điện thoại cho bà và những lần ông L về địa phương, ông L không có lần nào gặp bà để vợ chồng nói chuyện. Bà có nhiều lần gọi điện thoại cho ông L để nói chuyện với ông L về việc bà làm đơn xin ly hôn ông L nhưng ông L đều không bắt máy. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung gì.

Về tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Bà và ông L không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Ông L không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông L không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do bà H cung cấp. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không đến làm việc cũng không cung cấp bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án mặc dù đã biết được thông báo thụ lý, cũng như giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị H, cho bà Bùi Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn L; về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy đinh tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại thôn 4, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của ông L và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 07/02/2022, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Nguyễn Văn Sửu là bố đẻ ông L và ông Sửu cam đoan thông báo ngay cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Sửu và ông Sửu cam đoan thông báo ngay cho ông L. Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc có công văn đề nghị hoãn phiên tòa do Kiểm sát viên kiểm sát giải quyết vụ án phải thực hiện cách ly y tế do nhiễm covid 19 không thể tham gia phiên tòa nên Tòa án đã có Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa và đã niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Sửu và ông Sửu cam đoan thông báo ngay cho ông Lập. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn L xác L quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của bà H và ông L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà H cương quyết xin ly hôn còn ông L vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của bà H do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà H bảo ông L ở nhà làm ăn, không đi làm thuê xa nhà nữa nhưng ông L không đồng ý và đầu năm 2016, ông L bỏ đi làm thuê xa nhà cho đến nay, cụ thể ông L đi đâu, làm gì, bà H không biết. Vợ chồng bà ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay không dàn xếp gì. Khoảng giữa năm 2016, bà H về ở tại nhà đất của bố mẹ đẻ bà để lại ở thôn 6, xã H C, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Doãn Thị N là mẹ đẻ của ông L xác định năm 2016, giữa bà H và ông L đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H và ông L bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Ông L bảo bà H cùng vào miền Nam làm ăn nhưng bà H không đồng ý. Đến cuối năm 2016, bà H về nhà bố mẹ đẻ bà ở. Vợ chồng bà H, ông L sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Ông L vẫn thường xuyên đi làm xa nhà từ năm 2016 cho đến nay và vẫn về gia đình vào những dịp tết. Ông L thường xuyên gọi điện thoại cho vợ chồng bà. Ông Lập nói với bà là ông Lập đi làm thuê ở miền Nam, còn địa chỉ cụ thể của ông Lập thì bà không biết. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà cũng đã nhận thay ông L các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho ông L và bà đều thông báo cho ông L được biết nhưng vì ông L đi làm xa nhà nên ông L không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Ông L có nói với bà là ông L không đồng ý ly hôn với bà H.

Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà H, ông L cũng thể hiện mối quan hệ tình cảm giữa bà H và ông L không được gắn bó. Ông L, bà H đã không sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Từ năm 2016 đến nay, bà H không còn ở tại nhà đất của bố mẹ ông L mà về ở tại nhà đất của bố mẹ đẻ bà H. Vợ chồng bà H, ông L sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Những dịp tết ông L về địa phương thì ở tại gia đình bố mẹ đẻ ông L, chứ không về ở với bà H tại nhà đất của bố mẹ đẻ bà H. Về thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì địa phương không nắm bắt được.

Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng bà H, ông L mâu thuẫn căng thẳng và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Ông L biết việc Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa bà H và ông L nhưng ông L cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Điều đó cho thấy, ông Lập không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông Lập với bà H, việc ông Lập không đồng ý ly hôn với bà H là không thực tâm nên không có cơ sở để chấp nhận. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa bà H và ông L không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho bà H được ly hôn ông L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng bà H, ông L không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: Bà H xác nhận không có.

- Về tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông L vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Bùi Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001009 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Thảo